

Bản án số: 206/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 13/8/2026
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5-VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hồ

Bà Nguyễn Thị Bé Em

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Sơn Trường – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Thi – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 457/2026/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2026 về việc ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 225/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 2005; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: A khu phố A, phường A, tỉnh Vĩnh Long.

Số CCCD: 083305006253

Bị đơn: Ông Huỳnh Quốc L, sinh năm 2000; (xin vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: A khu phố B, phường B, tỉnh Vĩnh Long.

Số CCCD: 080200007284

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/5/2026, bản tự khai ngày 26/5/2026, đơn xin vắng mặt ngày 24/7/2026, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Bà H và ông Huỳnh Quốc L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre, nay là phường B, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 07/8/2024, sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đồng thời đến tháng 10/2024 ông L bị bắt và bị Tòa án xét xử về tội mua bán trái phép chất ma túy, hiện tại ông L đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam C, Đồng Tháp. Nay bà H xác định không còn tình

cảm vợ chồng với ông L nên yêu cầu được ly hôn với ông L. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ông Huỳnh Quốc L trình bày:

Ông L và bà H có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre, nay là phường B, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 07/8/2024. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã không còn sống chung từ tháng 09/2024 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên ông L đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có.

Ông L yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các đương sự theo đúng quy định pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu H với ông Huỳnh Quốc L; về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu là 300.000 đồng. Về chi phí tố tụng: 3.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Thu H tự nguyện chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Thu H yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Quốc L nên xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; ông L có địa chỉ tại phường B, tỉnh Vĩnh Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà H, ông L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bà H, ông L theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà H và ông L xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Vĩnh Long vào năm 2024 nên hôn nhân của bà H, ông L là hợp pháp. Bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông L. Theo biên bản lấy lời khai của ông L cũng thừa nhận, sau khi kết hôn vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất

đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, mục đích hôn nhân không đạt được; vợ chồng đã không còn sống chung với nhau từ tháng 9/2024 đến nay, đồng thời nay tình cảm vợ chồng đã không còn nên ông L đồng ý ly hôn với bà H. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông L thực tế có xảy ra và đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu ly hôn của H đối với ông L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông L khai không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Án phí: Bà H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

[6] Chi phí tố tụng: Chi phí thu thập chứng cứ là 3.000.000 đồng, bà H tự nguyện nộp và đã nộp xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu H đối với ông Huỳnh Quốc L. Bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với ông Huỳnh Quốc L. Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông L chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông L khai không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0009475

ngày 18/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long; bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu là 3.000.000 (ba triệu) đồng và đã nộp xong.

5/ Bà Nguyễn Thị Thu H, ông Huỳnh Quốc L có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 71, 72 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 5-Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- UBND phường B, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Thi

